

Số: 1022.../QĐ-ĐHDL

Lâm Đồng, ngày 27 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh trình độ thạc sĩ khóa 29 (Đợt 1)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT-GDDH ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 426/TTg ngày 27 tháng 10 năm 1976 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Đà Lạt;

Căn cứ Quyết định số 959/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 07 tháng 3 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phân cấp quản lý tổ chức cán bộ, viên chức các trường Đại học trực thuộc Bộ;

Căn cứ kết quả thi tuyển sinh trình độ thạc sĩ năm 2021 - Đợt 1 và Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh trình độ thạc sĩ năm 2021 - Đợt 1 ngày 15/12/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Sau Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 29 thí sinh có tên trong danh sách kèm theo trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh trình độ thạc sĩ khóa 29 (Đợt 1) hệ chính quy tập trung của Trường Đại học Đà Lạt cụ thể như sau:

STT	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH	SỐ LƯỢNG TRÚNG TUYỂN
1	8340101	Quản trị kinh doanh	29

Điều 2. Các thí sinh có tên trong danh sách có nghĩa vụ và quyền lợi theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành.

Điều 3. Trưởng phòng Quản lý đào tạo Sau đại học, Trưởng khoa chuyên môn, Ban phụ trách chuyên ngành Sau đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và các học viên có tên trong danh sách ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);

- Lưu: VT, QLĐTSĐH. *ml*



Lê Minh Chiến

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ - NĂM 2021 (Đợt 1)
NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH (MÃ NGÀNH: 8340101)
(Kèm theo Quyết định số ~~028~~ /QĐ-ĐHDL ngày ~~27~~ tháng ~~1~~ năm 2021)

ST T	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI	NƠI CÔNG TÁC	VĂN BẰNG ĐẠI HỌC						ƯU TIÊN	ĐIỂM THI CÁC MÔN					TỔNG	MSHV
						TRƯỜNG TỐT NGHIỆP	HỆ ĐÀO TẠO	NGÀNH TỐT NGHIỆP	NĂM TỐT NGHIỆP	LOẠI	CC BỎ TÚC		CƠ SỞ	CƠ BẢN	ƯU TIÊN MÔN CƠ BẢN	NGOẠI NGỮ	ƯU TIÊN MÔN NGOẠI NGỮ		
1	Nguyễn Ngọc Ân	06/04/1985	Quảng Bình	Nam	Công ty TNHH MTV XD 470	Trường Đại học Tây Nguyên	Chính quy	Kinh tế Nông Lâm nghiệp	2007	Trung bình	X	KV1	7,75	6,00	1,00	71,50	10,00	14,75	2101001
2	Võ Thành Danh	01/05/1995	Lâm Đồng	Nam	Công ty CP Toucan	Trường Đại học FPT	Chính quy	Kỹ thuật phần mềm	2018	Khá	X	KV1	8,00	7,25	1,00	72,00	10,00	16,25	2101002
3	Lương Thị Diễm Kiều	01/03/1993	Quảng Ngãi	Nữ	Huyện ủy Đon Dương	Đại học Sài Gòn	Chính quy	Kế toán	2015	Khá			7,75	8,25	-	73,50	-	16,00	2101003
4	Nguyễn Tiến Dũng	13/08/1989	Hà Tĩnh	Nam	Công ty cổ phần Golden Stream	Trường Đại học Giao Thông Vận Tải	Chính quy	Vô tuyến điện và thông tin liên lạc	2012	Trung bình khá	X	KV1	6,50	8,25	1,00	64,00	10,00	15,75	2101004
5	Cao Thanh Dũng	10/08/1981	Quảng Bình	Nam	Công ty TNHH MTV XD 470	Trường Đại học Bách Khoa, ĐH Đà Nẵng	Vừa làm vừa học	Xây dựng cầu đường	2013	Trung bình khá	X	KV1	7,50	8,00	1,00	56,00	10,00	16,50	2101005
6	Trần Nguyễn Bảo Duy	18/11/1995	Lâm Đồng	Nam	Viễn thông Lâm Đồng	Trường Đại học FPT	Chính quy	Kỹ thuật phần mềm	2019	Trung bình khá	X	KV1	7,25	7,25	1,00	70,50	10,00	15,50	2101006
7	Bùi Trần Kim Giang	17/06/1988	Lâm Đồng	Nữ	Sở Kế hoạch và đầu tư	Trường Đại học Kỹ thuật Công nghệ TP. Hồ Chí Minh	Chính quy	Quản trị kinh doanh	2010	Trung bình khá			8,25	8,00	-	Miễn	-	16,25	2101007
8	Đặng Văn Hậu	18/01/1978	Bình Định	Nam	Bảo Việt Nhân thọ Lâm Đồng	Trường Đại học Đà Lạt	Từ xa	Quản trị kinh doanh	2005	Trung bình		KV1	7,25	9,00	1,00	69,50	10,00	17,25	2101008
9	Vũ Văn Hòa	24/06/1978	Thái Bình	Nam	Cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng	Trường Đại học mở TP. Hồ Chí Minh	Học từ xa	Quản trị kinh doanh	2013	Trung bình khá		KV1	7,75	9,75	1,00	80,50	10,00	18,50	2101009
10	Nguyễn Ngọc Thu Hương	30/08/1991	Lâm Đồng	Nữ	Trường Đại học Đà Lạt	Trường Đại học Nha Trang	Chính quy	Kế toán	2014	Trung bình khá		KV1	7,25	9,75	1,00	67,00	10,00	18,00	2101010



15/11


ST T	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI	NƠI CÔNG TÁC	VĂN BẢNG ĐẠI HỌC						ƯU TIÊN	ĐIỂM THI CÁC MÔN					TỔNG	MSHV
						TRƯỜNG TỐT NGHIỆP	HỆ ĐÀO TẠO	NGÀNH TỐT NGHIỆP	NĂM TỐT NGHIỆP	LOẠI	CC BỔ TỨC		CƠ SỞ	CƠ BẢN	ƯU TIÊN MÔN CƠ BẢN	NGOẠI NGỮ	ƯU TIÊN MÔN NGOẠI NGỮ		
11	Lê Thị Lan	29/08/1996	Lâm Đồng	Nữ	Ngân hàng VPbank	Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Sư phạm Ngữ văn	2018	Khá	X	KV1	7,00	9,00	1,00	54,50	10,00	17,00	2101011
12	Nguyễn Tuấn Linh	08/01/1999	Gia Lai	Nam	Tự do	Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Quản trị kinh doanh	2021	Khá			7,25	9,50	-	Miễn	-	16,75	2101012
13	Huỳnh Thị Lợi	21/07/1979	Khánh Hòa	Nữ	CN Công ty cổ phần tập đoàn Mai Linh	Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Anh văn	2003	Trung bình khá	X	KV1	7,50	10,00	1,00	Miễn	-	18,50	2101013
14	Nguyễn Thị Hà My	08/05/1999	Lâm Đồng	Nữ	Tự do	Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Quản trị kinh doanh	2021	Khá			7,25	10,00	-	Miễn	-	17,25	2101014
15	Lê Thị Hồng Nữ	15/01/1980	Ninh Thuận	Nữ	Công ty TNHH SX HGR Lâm Đai	Trường Đại học Đà Lạt	Vừa làm vừa học	Tài chính kế toán	2012	Trung bình khá		KV1	7,25	10,00	1,00	Miễn	-	18,25	2101015
16	Trần Thanh Phong	06/02/1977	Lâm Đồng	Nam	Công ty Bảo hiểm Lâm Đồng	Trường Đại học Đà Lạt	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	2013	Khá		KV1	7,50	9,75	1,00	56,25	10,00	18,25	2101016
17	Bùi Văn Quang	29/09/1988	Hải Dương	Nam	Văn phòng Tỉnh ủy Lâm Đồng	Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Quản trị kinh doanh	2011	Trung bình		KV1	7,50	7,75	1,00	67,00	10,00	16,25	2101017
18	Nguyễn Như Quỳnh	07/08/1997	Lâm Đồng	Nữ	Study Smartly with Loc Minh	Latrobe University	Chính quy	Cử nhân Kinh doanh	2019	B+		KV1	7,00	7,00	1,00	Miễn	-	15,00	2101018
19	Lâm Văn Sang	23/09/1987	Quảng Nam	Nam	Phòng QL Đô thị Đà Lạt	Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng	Chính quy	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	2012	Trung bình khá	X		7,75	8,50	-	66,00	-	16,25	2101019
20	Mai Xuân Tâm	12/02/1989	Lâm Đồng	Nam	Viễn thông Lâm Đồng	Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Công nghệ thông tin	2011	Khá	X	KV1	6,75	7,25	1,00	77,00	10,00	15,00	2101020
21	Phạm Ngọc Uyên Thao	25/03/1990	Lâm Đồng	Nữ	Công ty CP Hoàng Gia Đà Lạt	Trường Đại học Quy Nhơn	Vừa làm vừa học	Sư phạm Ngữ văn	2018	Khá	X	KV1	7,00	8,25	1,00	75,00	10,00	16,25	2101021
22	Trần Phương Thảo	03/05/1995	Lâm Đồng	Nữ	Công ty TNHH ĐTSX PTNN VinEco	Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Công nghệ Sinh học	2017	Khá	X	KV1	7,75	9,25	1,00	82,00	10,00	18,00	2101022
23	Nguyễn Công Thảo	12/10/1982	Lâm Đồng	Nam	Văn phòng HĐND-UBND huyện Đức Trọng	Trường Đại học Đà Lạt	Vừa làm vừa học	Tài chính kế toán	2014	Trung bình			7,50	8,50	-	65,25	-	16,00	2101023
24	Trần Thị Thu Thảo	05/05/1995	Lâm Đồng	Nữ	Tự do	Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Sư phạm Vật lý	2017	Trung bình	X	KV1	6,25	10,00	1,00	74,50	10,00	17,25	2101024

Handwritten signature or mark.

ST T	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI	NƠI CÔNG TÁC	VĂN BẢNG ĐẠI HỌC						ƯU TIÊN	ĐIỂM THI CÁC MÔN					TỔNG	MSHV
						TRƯỜNG TỐT NGHIỆP	HỆ ĐÀO TẠO	NGÀNH TỐT NGHIỆP	NĂM TỐT NGHIỆP	LOẠI	CC BỒ TÚC		CƠ SỞ	CƠ BẢN	ƯU TIÊN MÔN CƠ BẢN	NGOẠI NGỮ	ƯU TIÊN MÔN NGOẠI NGỮ		
25	Nguyễn Thị Trang	16/04/1998	Thừa Thiên Huế	Nữ	Tự do	Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Quản trị kinh doanh	2020	Khá			7,00	10,00	-	Miễn	-	17,00	2101025
26	Trần Thị Trang	15/02/1990	Lâm Đồng	Nữ	Tự do	Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM	Chính quy	Tài chính - ngân hàng	2013	Khá			8,50	10,00	-	74,25	-	18,50	2101026
27	Nguyễn Quang Trung	12/05/1990	Lâm Đồng	Nam	Thi hành án	Trường Đại học Đà Lạt	Vừa làm vừa học	Luật	2019	Trung bình	X		8,00	8,00	-	67,75	-	16,00	2101027
28	Lê Anh Tuấn	27/11/1984	Lâm Đồng	Nam	Văn phòng Huyện ủy Đức Trọng	Đại học Nông lâm TP. HCM	Chính quy	Công nghệ thông tin	2009	Trung bình khá	X	KVI	7,00	8,00	1,00	56,00	10,00	16,00	2101028
29	Lê Nguyễn Kim Tuyền	20/12/1998	Lâm Đồng	Nữ	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	Chính quy	Quản trị kinh doanh	2019	Khá			7,25	9,00	-	Miễn	-	16,25	2101029

Tổng : Điểm thi môn cơ sở + Điểm thi môn cơ bản + điểm ưu tiên môn cơ bản(nếu có).

HIỆU TRƯỞNG *Bull*



[Signature]

Lê Minh Chiến